

Bản án số: 18/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/02/2026.

V/v: “*Tranh chấp
yêu cầu ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Mến.

Bà La Thị Thu Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký toà án nhân dân khu vực 14, thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, thành phố Hồ Chí Minh:
Không tham gia phiên tòa.***

Ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14, TP Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân – gia đình thụ lý số: 478/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2025/QĐXXST-HNGĐ2025/QĐXXST-HNGĐ ngày: 24/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2026, Thông báo dời phiên tòa số: 2/TB-TA ngày 26/01/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: TTĐT, sinh năm: 1993 – (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4 ấp khu 1, xã BC, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: PHP, sinh năm 1989 – (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5 ấp Bình Minh, xã BC, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị TTĐT trình bày:

Chị T kết hôn với anh P vào năm 2010. có đăng ký kết hôn tại UBND xã BC, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là xã BC, TP Hồ Chí Minh). Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nhưng do mới sinh con thì chị T cố gắng chịu đựng, đến năm 2025 thì mâu

thuần trở nên trầm trọng không chịu đựng được nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên thường cãi vã, xúc phạm lẫn nhau mặc dù hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không được. Vì vậy, từ đầu năm 2025 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: có 02 con chung là PTTT, sinh ngày 20/8/2012 và PHTĐ, sinh ngày: 30/01/2015. Hiện nay đang sống cùng với anh P. Nếu ly hôn chị T đồng ý để anh P tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, Chị T cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 3.000.000Đ (Ba triệu).

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay chị T đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh PHP trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh P công nhận đúng như chị T đã trình bày.

Sau khi kết hôn do sống chung cùng với gia đình anh P nên giữa các thành viên gia đình với chị T có va chạm trong cuộc sống hàng ngày. Do đó, giữa anh P và chị T cũng có đôi khi cãi lộn nhau, nhưng không có mâu thuẫn gì lớn. Đến đầu năm 2025 thì chị T dọn ra phòng trọ ở, anh P cũng dọn đến phòng trọ cùng ở với chị T. Đến gần tết cổ truyền anh P dọn về nhà mẹ ruột ở để lo hương khói cho bố anh P, còn chị T vẫn ở phòng trọ. Sau đó, anh P sửa lại nhà có hỏi ý kiến của chị T nhưng chị T nói anh P muốn làm gì thì làm mà không về nhà để lo việc sửa nhà. Do đó, từ đầu năm 2025 đến nay vợ chồng đã sống ly thân.

Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh P không đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 02 con chung là PTTT, sinh ngày 20/8/2012 và PHTĐ, sinh ngày: 30/01/2015. Hiện nay đang sống cùng với anh P. Nếu ly hôn anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000Đ (Ba triệu).

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay anh P vẫn giữ nguyên ý kiến: Không đồng ý ly hôn với chị T. Nếu ly hôn anh P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000Đ (Ba triệu). Tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN XÉT CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: chị TTĐT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh PHP. Đây là tranh chấp về yêu cầu ly hôn, theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm

quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 14, TP Hồ Chí Minh. Viện kiểm sát thông báo không tham gia phiên tòa (Công văn số 74/CV-VKS ngày 30/12/2025), chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ. Áp dụng Điều 21, Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Đại diện Viện kiểm sát và chị T.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị T và anh P là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số: 03) nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Về mâu thuẫn vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn mỗi bên trình bày một nguyên nhân khác nhau, nhưng đều thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng, nên đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2025 đến nay (Bút lục số 23, 24, 27). Điều đó chứng tỏ giữa chị T và anh P không còn yêu thương, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau. Do đó, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh P là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị T. Về hôn nhân chị T được ly hôn với anh P.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung là PTTT, sinh ngày 20/8/2012 và PHTĐ, sinh ngày: 30/01/2015. Hiện nay đang sống cùng với anh P. Nếu ly hôn hai bên đều thống nhất để anh P tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung. Việc chị T, anh P thống nhất để anh P tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T, cháu Đ (Bút lục số 22). Vì vậy, giao cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, cháu Đ.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 3.000.000Đ (Ba triệu), anh P cũng đồng ý mức cấp dưỡng này. Vì vậy, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai bên đều thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung (Bút lục số 23, 24, 27).

[5] Về án phí: Do là nguyên đơn nên chị T phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 21; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1, Điều 227, Khoản 1, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị TTĐT đối với anh PHP.

[1] Về hôn nhân: Chị TTĐT được ly hôn với anh PHP.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là PTTT, sinh ngày 20/8/2012 và PHTĐ, sinh ngày: 30/01/2015. Hiện nay đang sống cùng với anh P. Anh P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, cháu Đ. Chị T cấp dưỡng nuôi cháu Đ mỗi tháng 3.000.000Đ (Ba triệu), cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng. Dợt cấp dưỡng đầu tiên bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Chị T được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản, cản trở.

Vì lợi ích của con chung trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm số tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:0038131 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[5] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (những người vắng mặt tại phiên tòa thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận.

- TAND TP Hồ Chí Minh.
- VKSND khu vực 14.
- Chi cục THADS khu vực 14.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Hoàng Ngọc Tuấn